TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2018
"V/việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hiền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Đội 7, Khối 1, thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh B.

(Anh B và chị Thúy D cùng có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết về việc Hôn nhân và gia đình và chị Thúy D có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy D chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/9/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình bên chồng tại ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, thường xuyên cải vả nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến mâu thuẫn lớn, chị D đã nhiều lần bỏ về quê nhà ở Bình Định sinh sống rồi quay trở lại. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Trong quá trình chung sống anh và chị D có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 24/5/2007. Từ khi anh và chị D sống ly thân đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung chưa thành niên cho vợ anh tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: kể cả nợ phải thu và nợ phải trả: không có và anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/10/2017 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/4/2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

Chị và anh B sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Trong thời gian chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc. Năm 2014, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở B Định sinh sống cho đến nay, chị không quay trở lại. Vì vậy, theo yêu cầu xin ly hôn của anh B, chị đồng ý ly hôn với anh B. Về con chung: Chị có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị làm ăn ở xa và không có điều kiện đi lại nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị và chị cam đoan không có khiếu nại. Chị đồng ý yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, là nơi cư trú của anh B giải quyết vấn đề xin ly hôn của vợ chồng chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Thúy D là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại huyện Tân Sơn, tỉnh B Định nhưng chị có văn bản thỏa thuận đồng ý Tòa án nơi cư trú của anh B, là nguyên đơn trong vụ án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị Thúy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thúy D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh

Bến Tre vào ngày 29/9/2006, hôn nhân do tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống ở ấp Căn Cứ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng của anh B và chị D hạnh phúc, đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm sống, thường hay cải vã trong sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần chị D đã bỏ về quê nhà cha mẹ ruột ở B Định sinh sống. Vợ chồng anh B và chị D đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không có thời gian quay trở lại. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh chị đã không có thời gian quan tâm chăm sóc với nhau như vợ như chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị D đã trầm trọng vì anh B và chị D sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, theo yêu cầu xin ly hôn của anh B, chị D cũng đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh B và chị D.

- *Về con chung:* Anh B và chị D có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 24/5/2007. Hiện tại, cháu Huy đang sống chung với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh B và chị D sống ly thân cho đến nay chị D vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, cháu vẫn phát triển B thường. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để cháu được ổn định tâm lý và việc học hành; anh B cũng đồng ý khi ly hôn giao con chung cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Mặt khác, cháu Thanh Huy đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Thanh Huy theo quy định pháp luật thì cháu có yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B về việc giao cháu Nguyễn Thanh Huy cho chị Thúy D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh B và chị D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Anh B phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thúy D.

2. *Về con chung:* Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thúy D có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Huy, sinh ngày 24/5/2007. Giao cháu Nguyễn Thanh Huy cho chị Thúy D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh B.

Anh Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thúy D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015370 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Mỹ Thạnh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.